

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2018/HS-ST

Ngày 08-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Minh Trí.

Ông Nguyễn Văn Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thế Bắc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2018 đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất: Thạch T, sinh năm 1994 tại Bạc Liêu. Nơi cư trú ấp C, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ học vấn: Không biết chữ ; dân tộc: Khomer; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thạch Đ và bà Nguyễn Thị Đ; có vợ tên Nguyễn Thị Bích T, con một người và hiện tại vợ đang mang thai gần đến ngày sinh; tiền án không, tiền sự không; bị bắt ngày 30/11/2017, tạm giữ ngày 30/11/2017, tạm giam ngày 06/12/2017 “có mặt”.

Bị cáo thứ hai: Phạm Quốc C, sinh năm 1986 tại Cà Mau. Nơi cư trú ấp N, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ học vấn: 4/12 ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị T; có vợ tên Đỗ Thị T và hai người con; tiền án không, tiền sự không; bị bắt ngày 28/11/2017, tạm giữ ngày 28/11/2017, tạm giam ngày 07/12/2017 “có mặt”.

- Bị hại: Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm 1979 “vắng mặt”.

Anh Trương Văn Đ, sinh năm 1982 “vắng mặt”.

Chị Lộ Thị P, sinh năm 1978 “vắng mặt”.

Anh Lê Thanh B, sinh năm 1975 “vắng mặt”.

Nơi cư trú: Ấp B, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Anh Thạch Q, sinh năm 1981 “vắng mặt”.

Nơi cư trú: Ấp C, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Anh Phan Văn L, sinh năm 1994 “có mặt”.

Nơi cư trú: Ấp Ô, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 20 giờ ngày 26/11/2017, gia đình anh Trương Văn Đ cùng anh Nguyễn Quốc H và anh Lê Thanh B đến khu vực ấp Cái Mỏi, xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau đặt lú bát quái và đến khoảng 23 giờ cùng ngày thì Thạch T điều khiển phương tiện võ Composite hiệu Thành Tân dài 5,4 mét và máy Honda GX 390 cũng đến khu vực này để đặt lú. Khi đặt lú xong, Thạch T dùng đèn pin đi soi ba khía và phát hiện tại khu vực trên có nhiều lú bát quái đã đặt nhưng không có người trông coi nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Liên sau đó, Thạch T lên lú chiếm đoạt được 49 cái lú bát quái, trong đó chiếm đoạt của gia đình anh Trương Văn Đ 7 cái, của anh Nguyễn Quốc H 34 cái và của anh Lê Thanh B 8 cái. Toàn bộ số lú bát quái Thạch T chiếm đoạt được kéo lên để vào trong phương tiện võ máy của Thạch T và sau đó Thạch T điều khiển phương tiện chở tài sản chiếm đoạt được đi cất giấu. Đến khoảng 11 giờ ngày 27/11/2017, Thạch T lấy máy điện thoại của anh ruột tên Thạch Q nhưng phía anh Thạch Q không biết và điện kêu Phạm Quốc C đến địa điểm cất giấu tài sản đã chiếm đoạt được để cùng nhau đưa đi tiêu thụ và hứa sẽ cho Phạm Quốc C số tiền 500.000 đồng thì Phạm Quốc C đồng ý. Đến khoảng 13 giờ 40 phút ngày 27/11/2017, Phạm Quốc C điều khiển phương tiện võ Composite hiệu Thuận An dài 6,5 mét và máy Honda GX 340 của Phạm Quốc C đến gặp Thạch T rồi cùng nhau chở lú bát quái đi tiêu thụ thì bị bắt quả tang.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 41/KL-HĐ ngày 04/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Ngọc Hiển xác định tổng số tài sản bị chiếm đoạt có giá trị 6.810.000 đồng.

Toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt đã được nhận dạng và trả lại cho các bị hại.

Vật chứng thu được gồm có:

Một chiếc điện thoại di động hiệu TK Mobile màu đỏ, số IMEL 353915051174078.

Một chiếc võ Composite hiệu Thành Tân dài 5,4 mét.

Một máy Honda GX 390 số 74257.

Một chiếc võ Composite hiệu Thuận An dài 6,5 mét.

Một máy Honda GX 340 số 3642124.

Tại Cáo trạng số: 08/CT-VKS ngày 12/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiền truy tố bị cáo Thạch T về tội Trộm cắp tài sản theo quy định khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và truy tố bị cáo Phạm Quốc C về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại khoản 1 Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa bị cáo Thạch T thừa nhận hành vi lén lút trộm cắp tài sản gồm 49 cái lú bắt quái của gia đình anh Trương Văn Đ, anh Nguyễn Quốc H và của anh Lê Thanh B. Đối với bị cáo Phạm Quốc C thừa nhận dù biết tài sản do bị cáo T trộm được nhưng vẫn chấp nhận đưa đi tiêu thụ. Các bị cáo xác định do hoàn cảnh khó khăn nên thực hiện hành vi phạm tội, gia đình các bị cáo rất đơn chiếc yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo khai nhận tài sản thu giữ là của các bị cáo, riêng chiếc điện thoại là của anh Thạch Q.

Đối với anh Phan Văn L xác định máy Honda do bị cáo T điều khiển hiện tại bị thu giữ là do anh đứng tên mua dùm, tài sản này không phải của anh nên anh không đặt ra yêu cầu gì.

Viện kiểm sát vẫn giữ quan điểm truy tố bị cáo theo Cáo trạng và đề nghị xử phạt bị cáo Thạch T từ 6 đến 9 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng và đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Quốc C từ 6 đến 9 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng, đề nghị giao các bị cáo cho Ủy ban nhân xã nơi các cư trú giám sát giáo dục.

Đề nghị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước các tài sản đã thu giữ của các bị cáo, tuyên trả lại cho anh Thạch Q chiếc điện thoại. Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ và các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Thạch T là dân tộc khomer nhưng tại phiên tòa bị cáo Thạch T xác định chỉ biết tiếng Việt, không nói được tiếng khomer nên không yêu cầu người phiên dịch và không yêu cầu trợ giúp pháp lý bảo vệ quyền lợi cho bị cáo. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Thạch T đều thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản gồm 49 cái lú bắt quái của gia đình anh Trương Văn Đ, của anh Nguyễn Quốc H và của anh Lê Thanh B. Lời nhận tội của bị cáo Thạch T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các

bị hại, người làm chứng về thời gian, địa điểm xảy ra vụ án cũng như đặc điểm về tài sản bị chiếm đoạt. Căn cứ vào biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa có đủ cơ sở chứng minh bị cáo Thạch T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 49 cái lú bát quái của các bị hại gồm gia đình anh Trương Văn Đ 7 cái, của anh Nguyễn Quốc H 34 cái và của anh Lê Thanh B 8 cái có tổng giá trị là 6.810.000 đồng nên hành vi của bị cáo Thạch T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển truy tố về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ. Mặc dù, hành vi của bị cáo thực hiện trước thời điểm Bộ luật Hình sự năm 2015 có hiệu lực nhưng qua xem xét về khung hình phạt bị cáo bị truy tố có mức hình phạt bằng với khung hình phạt của Bộ luật Hình sự năm 2015 nên áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 đang có hiệu lực để xét xử đối với bị cáo.

[2] Đối với bị cáo Phạm Quốc C mặc dù không hứa hẹn trước nhưng khi biết được tài sản do bị cáo Thạch T chiếm đoạt nhưng bị cáo vẫn chấp nhận tiêu thụ để hưởng lợi. Hành vi của bị cáo C đã phạm vào tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại khoản 1 Điều 250 của Bộ luật Hình sự 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và theo Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định mức hình phạt nặng hơn so với khung hình phạt bị cáo bị truy tố nên áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 để xét xử đối với bị cáo.

[3] Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo T đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của các bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Bị cáo T nhận thức được tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người khác không ai có quyền xâm hại một cách trái pháp luật, thế nhưng chỉ vì mục đích vụ lợi và muốn có tiền để tiêu xài nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Đối với hành vi của bị cáo C đã xâm phạm đến trật tự công cộng, mặc dù bị cáo C biết rõ tài sản do bị cáo T chiếm đoạt nhưng bị cáo vẫn chấp nhận tiếp tay để tiêu thụ nhằm hưởng lợi. Hành vi của các bị cáo đã vi phạm pháp luật hình sự nên cần phải được xử lý. Các bị cáo đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

[4] Bị cáo Thạch T không có tình tiết tăng nặng, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo Tràm là dân tộc khmer lại không biết chữ, trình độ nhận thức còn hạn chế, bị cáo nhất thời phạm tội và được các bị hại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đối với bị cáo Phạm Quốc C cũng không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường

hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử đã có sự cân nhắc và đánh giá mức độ, tính chất của vụ án cũng như căn cứ vào tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội để áp dụng mức hình phạt tù đối với các bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt của mỗi tội tương ứng mà mỗi bị cáo phải chịu là tương xứng. Các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này các bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, chưa bị kết án hay bị xử phạt vi phạm hành chính, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng, có khả năng tự cải tạo và nếu không buộc các bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm ở địa phương. Xét thấy, các bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu và các bị hại không đặt ra yêu cầu trách nhiệm bồi thường nên không xem xét.

[6] Về tài sản thu giữ của các bị cáo gồm có một chiếc võ Composite hiệu Thành Tân dài 5,4 mét, một chiếc võ Composite hiệu Thuận An dài 6,5 mét, một máy Honda GX 340 số 3642124 và một máy Honda GX 390 số 74257, đây là phương tiện phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Riêng chiếc điện thoại di động hiệu TK Mobile màu đỏ, số IMEI 353915051174078 được xác định của anh Q và khi bị cáo T lấy điện cho bị cáo C anh Q không biết và đây không phải là vật chứng nên tuyên trả lại cho anh Q theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đảm bảo thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

[8] Do các bị cáo bị kết án nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Bị cáo và người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo theo luật định.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Tuyên phạt bị cáo Thạch T 06 (sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản nhưng cho bị cáo được hưởng án treo thời gian thử thách 01 (một) năm. Thời hạn chấp hành tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1 Điều 46 và Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Tuyên phạt bị cáo Phạm Quốc C 06 (sáu) tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nhưng cho bị cáo được hưởng án treo thời gian thử thách 01 (một) năm. Thời hạn chấp hành tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự không đặt ra.

Căn cứ điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước gồm các loại tài sản một chiếc võ Composite hiệu Thành Tân dài 5,4 mét, một chiếc võ Composite hiệu Thuận An dài 6,5 mét, một máy Honda GX 340 số 3642124 và một máy Honda GX 390 số 74257 hiện tại được lưu giữ theo Lệnh nhập kho vật chứng số: 08/LNK ngày 08/01/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an nhân dân huyện Ngọc Hiển.

Trả cho anh Thạch Q một chiếc điện thoại di động hiệu TK Mobile màu đỏ, số IMEL 353915051174078 hiện tại được lưu giữ theo Lệnh nhập kho vật chứng số: 08/LNK ngày 08/01/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an nhân dân huyện Ngọc Hiển.

Buộc bị cáo Thạch T và bị cáo Phạm Quốc C mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Bị cáo và người tham gia tố tụng có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người tham gia tố tụng vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc tính từ ngày được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Công an nhân dân huyện Ngọc Hiển;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Hải